

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 29-8-2024  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2/ Ông Nguyễn Văn Chân

*Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương - Cán bộ TAND huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền - Chức vụ: Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01/3/2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-DS ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1978 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.**

Bị đơn: Anh **Ngô Thanh V**, sinh năm 1971 – Vắng mặt lần II.

Địa chỉ: **Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.**

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 06/2/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Lê Thị N** trình bày:

Chị **N** kết hôn với anh **Ngô Thanh V** năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Đ**, huyện **Đ**. Hôn nhân giữa chị **N** và anh **V** trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn chị **N** và anh **V** sống hạnh phúc với nhau một thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **V** không chịu làm ăn, uống rượu say về đập phá đồ đạc trong nhà. Sự việc này diễn ra thường xuyên khiến chị không thể chịu đựng được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Ngô Thanh V**.

Về con chung: Chị **N** và anh **V** có 01 con chung là cháu **Ngô Khánh D**, sinh ngày 14/7/2018. Chị yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu **Ngô Khánh D** cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh **Ngô Thanh V** lên làm việc. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh **V** không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Biên xác minh ngày 12/3/2024 tại Công an xã **Đ** thể hiện: Anh **Ngô Thanh V**, sinh năm 1971 có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn **X**, xã **Đ**, huyện **Đ**, tỉnh **Đắk Nông**. Tuy nhiên, anh **V** thường xuyên đi làm thuê tại các địa phương khác, ít khi có mặt ở nhà. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh **V** tại nơi cư trú, tại Ủy ban nhân dân xã **Đ** và tại Tòa án nhân dân huyện **Đắk Mil** theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị **Lê Thị N** và anh **Ngô Thanh V** tại chính quyền địa phương nơi chị anh sinh sống thể hiện: Anh **N** là người thường xuyên say rượu về đập phá đồ đạc trong gia đình. Giữa chị **N** và anh **V** có mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, chị **N** có đơn xin giải quyết vắng mặt giữ nguyên quan điểm của mình. Anh **V** vắng mặt lần thứ II, căn cứ Điều 227 của BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **Đắk Mil** kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị **N** ly hôn với anh **V**

Về con chung: Giao cháu **Ngô Khánh D** cho chị **Lê Thị N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi.

Về án phí: Buộc chị **Lê Thị N** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); 01 căn cước công dân (bản sao y chứng thực); 01 trích lục khai sinh.



## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Lê Thị N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Ngô Thanh V** nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh **Ngô Thanh V** có nơi cư trú tại **thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2018 được đăng ký tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Do đó, hôn nhân giữa chị **Lê Thị N** và anh **Ngô Thanh V** là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị **N** trình bày anh **V** thường xuyên uống rượu về đập phá đồ đạc trong nhà dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn. Việc này diễn ra thường xuyên khiến chị không thể chịu đựng được. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện giữa chị **N** và anh **V** có mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, đối chiếu với việc xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương, thấy rằng: Chị **N** và anh **V** có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **N** thường xuyên uống rượu say về đập phá đồ đạc trong gia đình. Chị **V** không thể sống chung mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **N**, điều đó thể hiện việc mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **V** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **N**, giải quyết cho chị **N** được ly hôn với anh **V**.

[2.2]. Về con chung: Chị **N** và anh **V** có 01 con chung là cháu **Ngô Khánh D**, sinh ngày 14/7/2018. Chị **N** yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu **D**. Xét thấy, chị **N** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc cháu **D**; về điều kiện vật chất: chị **N** có nhà riêng đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho cháu **D**. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **N** không lên Tòa án, không thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Do đó, HĐXX xét thấy cần thiết tiếp tục giao cháu **D** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về cấp dưỡng, về tài sản chung: Chị **N** không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị **Lê Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị N**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị N** ly hôn với anh **Ngô Thanh V**.

Về con chung: Giao cháu **Ngô Khánh D**, sinh ngày 14/7/2018 cho chị **Lê Thị N** trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi.

Anh **Ngô Thanh V** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh **V** lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì chị **N** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **V**.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

2. Về án phí: Chị **Lê Thị N** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị **N** đã nộp theo biên lai số 0001849/BL-THA, ngày 27/2/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Sắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký và đóng dấu)  
Nguyễn Thị Hải Âu**